

ĐỀ 1

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn SINH HỌC LỚP 7

Thời gian: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (3đ)

Câu 1: Tác hại của giun móc câu đối với cơ thể người là:

- A. Hút máu, bám vào niêm mạc tá tràng. B. Làm người bệnh xanh xao, vàng vọt.
C. Gây ngứa ở hậu môn. D. Gây tắc ruột, tắc ống mật.

Câu 2: Hình thức sinh sản không gặp ở thủy tức là

- A. Mọc chồi. B. Tái sinh. C. Phân đôi. D. Sinh sản hữu tính.

Câu 3: Nhóm nào sau đây gồm những chân khớp có tập tính dự trữ thức ăn?

- A. Tôm sông, nhện, ve sầu. B. Kiến, bướm cải, tôm ở nhờ.
C. Ong mật, bọ ngựa, tôm ở nhờ. D. Kiến, ong mật, nhện.

Câu 4: Động vật nguyên sinh kí sinh trong cơ thể người là:

- A. Trùng roi xanh B. Trùng kiết lị C. Trùng giày D. Trùng biến hình

Câu 5: Cơ quan di chuyển của trai sông?

- A. Chân trai thò ra và thụt vào. B. Trai hút và phun nước.
C. Chân trai kết hợp với sự đóng mở của vỏ. D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 6: Khi mưa nhiều giun đất lại chui lên mặt đất để:

- A. Hô hấp. B. Tìm nơi ở mới. C. Dễ dàng bơi lội. D. Tìm thức ăn.

Câu 7: Loài thuộc lớp Sâu bọ có ích trong việc thụ phấn cho cây trồng:

- A. Châu chấu B. Bướm. C. Bọ ngựa. D. Dế trũi.

Câu 8: Trẻ em hay mắc bệnh giun kim vì:

- A. Không ăn đủ chất. B. Không biết ăn rau xanh.
C. Có thói quen bỏ tay vào miệng. D. Hay chơi đùa.

Câu 9. Trùng kiết lị xâm nhập vào cơ thể qua con đường:

- A. ăn uống. B. muỗi đốt. C. da. D. máu.

Câu 10. Vật chủ trung gian của sán lá gan là:

- A. Ốc B. Gà, C. Lợn D. Trâu , bò

Câu 11. Lợn gạo có mang ấu trùng của:

- A. Sán dây B. Sán lá gan C. Sán bã trầu D. Sán lá máu

Câu 12. Để phòng giun đũa kí sinh ta cần:

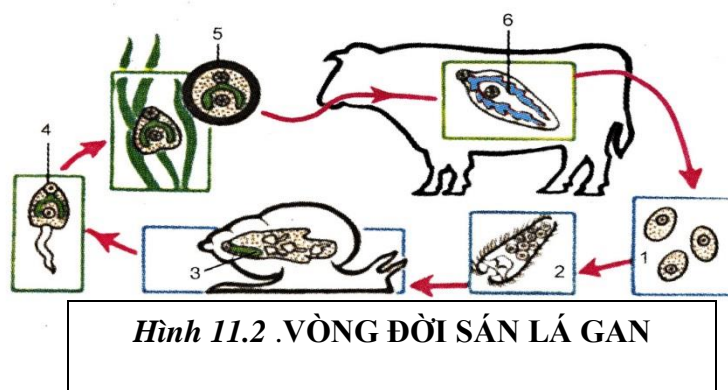
- A. Mang ủng khi vào vùng nước bẩn B. Tiêm vắc xin chủng ngừa
C. Đeo khẩu trang nơi nhiều bụi D. Giữ vệ sinh trong ăn uống

II. TỰ LUẬN : (7đ)

Câu 1:(2đ) Vai trò thực tiễn của ngành chân khớp?

Câu 2:(2đ) Nêu đặc điểm chung của ngành thân mềm? Ý nghĩa thực tiễn của vỏ thân mềm.

Câu 3:(2đ) Quan sát hình 11.2 . “VÒNG ĐỜI SÁN LÁ GAN ” Hãy trình bày sơ đồ sự phát triển của sán lá gan?Giải thích tại sao trâu bò ở nước ta thường nhiễm sán lá gan cao ?



Câu 4:(1đ) Vì sao nói “ Giun đất là bạn của nhà nông”?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HK1 - MÔN SINH 7

I. TRẮC NGHIỆM: (3đ) (Mỗi câu trắc nghiệm làm đúng được 0,25đ).

câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	D	B	C	A	B	C	A	D	B	D

II- TỰ LUẬN (7đ)

Câu 1:(2 đ). Vai trò:

* Lợi ích: (1đ)

- Là nguồn thức ăn của cá: rận nước, chân kiếm tự do,...
- Là nguồn cung cấp thực phẩm: tôm sông, cua, tép,...
- Là nguồn lợi xuất khẩu: cua nhện, tôm hùm,...

* Tác hại: (1đ)

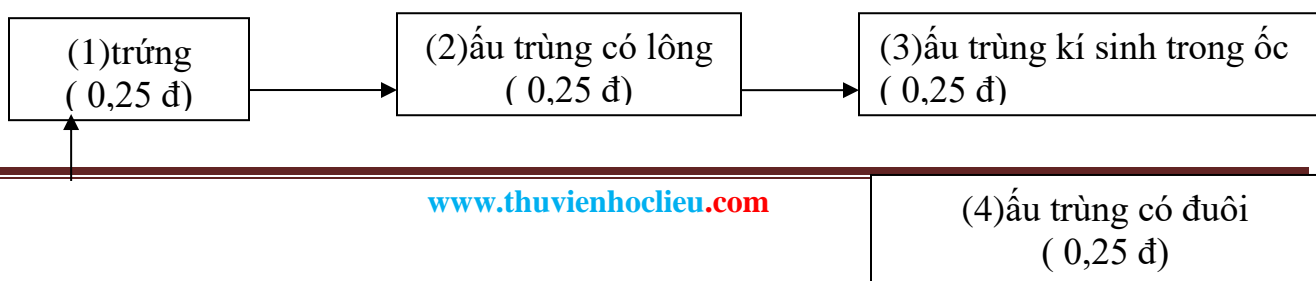
- Có hại cho giao thông đường thủy: sun
- Có hại cho nghề cá: chân kiếm kí sinh
- Truyền bệnh giun sán: tôm, cua,...

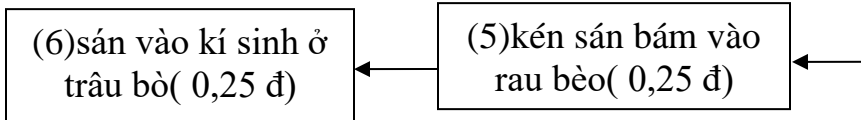
Câu 2:(2đ). Mỗi ý trả lời đúng được 1đ.

- Đặc điểm chung của ngành thân mềm: Thân mềm không phân đốt, có vỏ đá vôi, có khoang áo, hệ tiêu hóa và cơ quan di chuyển thường đơn giản. Riêng mực, bạch tuộc có vỏ tiêu giảm, cơ quan di chuyển phát triển.

-Ý nghĩa thực tiễn của vỏ thân mềm: Vỏ thân mềm được khai thác để bán làm đồ trang trí ở các nơi du lịch vùng biển như: Hạ long, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Nha Trang...Nhất là vỏ các loại ốc vì chúng cửa đa dạng, vừa đẹp,vừa kì dị...

Câu 3: (2,0đ): “VÒNG ĐỜI SÁN LÁ GAN ” (1,5 điểm)





Do tập quán chăn nuôi bằng hình thức chăn thả tự do trên các đồng ruộng nên trâu bò ở nước ta nguy cơ nhiễm sán cao. (0,5đ)

Câu 4 (1,0đ): Nói “ Giun đất là bạn của nhà nông” vì: Trong hoạt động sống giun đất thường xuyên đào hang để ăn đất và các vụn hữu cơ làm đất tơi xốp thoáng khí, tăng độ phì nhiêu cho đất , tiết chất nhầy làm mềm đất , phân giun có cấu trúc hạt tròn làm đất tăng độ màu mỡ cho đất.

ĐỀ 2	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn SINH HỌC LỚP 7 <i>Thời gian: 45 phút</i>
-------------	---

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7,5 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau:

Câu 1: Đặc điểm cơ quan sinh dục của Giun đũa là:

- A. chưa phân hóa B. phân tính C. lưỡng tính D. cả câu B và C

Câu 2: Cách dinh dưỡng của ruột khoang?

- A. Tự dưỡng B. Dị dưỡng C. Kí sinh D. Cả a và b

Câu 3: Đối tượng nào sau đây thuộc lớp sâu bọ phá hại cây trồng mà phải phòng trừ tiêu diệt ?

- A. Ruồi. B. Châu chấu. C. Ong mật. D. Bọ ngựa

Câu 4: Nơi kí sinh của trùng kiết lị là:

- A. Bạch cầu B. Máu C. Hồng cầu D. Ruột người

Câu 5: Trùng sốt rét lây nhiễm sang cơ thể người qua vật chủ trung gian nào?

- A. Muỗi Anôphen. B. Muỗi Mansonia. C. Muỗi Culex. D. Muỗi Aedes.

Câu 6: Vị trí kí sinh của trùng sốt rét trong cơ thể người là

- A. trong máu. B. khoang miệng. C. ở gan. D. ở thành ruột.

Câu 7: Trong các biện pháp sau, biện pháp nào giúp chúng ta phòng tránh đc bệnh kiết lị?

- A. Mặc màn khi đi ngủ. B. Diệt bọ gậy.
C. Đậy kín các dụng cụ chứa nước. D. Ăn uống hợp vệ sinh.

Câu 8: Ruột khoang có vai trò gì đối với sinh giới và con người nói chung?

- A. Một số loài ruột khoang có giá trị thực phẩm và dược phẩm.
B. Góp phần tạo sự cân bằng sinh thái, tạo cảnh quan độc đáo.
C. Nhiều loại san hô nguyên liệu làm đồ trang sức, trang trí, nguyên liệu xây dựng,
D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

Câu 9: Các đại diện của ngành Ruột khoang không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Sống trong môi trường nước, đối xứng toả tròn.

- B. Có khả năng kết bào xác.
- C. Cấu tạo thành cơ thể gồm 2 lớp, ruột dạng túi.
- D. Có tế bào gai để tự vệ và tấn công.

Câu 10: Ruột khoang nói chung thường tự vệ bằng

- A. các xúc tu.
- B. các tế bào gai mang độc.
- C. lẫn trốn khỏi kẻ thù.
- D. trốn trong vỏ cứng.

Câu 11: Thức ăn của trùng sốt rét là:

- A. Vi khuẩn.
- B. Vụn hữu cơ.
- C. Hồng cầu
- D. Động vật nhỏ.

Câu 12: Trùng sốt rét có lối sống:

- A. Bất môi.
- B. Tự dưỡng.
- C. Kí sinh.
- D. Tự dưỡng và bất môi.

Câu 13: Loại động vật nào sau đây ký sinh trên da người ?

- A. Bọ cạp
- B. Cái ghẻ
- C. Ve bò
- D. Nhện đỏ

Câu 14: Châu chấu hô hấp bằng cơ quan nào?

- A. Mang
- B. Hệ thống ống khí
- C. Hệ thống túi khí
- D. Phổi

Câu 15: Hệ tuần hoàn của châu chấu thuộc dạng:

- A. Hệ tuần hoàn kín
- B. Hệ tuần hoàn hở
- C. Tim hình ống dài có 2 ngăn
- D. Chưa có hệ tuần hoàn

Câu 16: Mục tự bảo vệ bằng cách nào?

- A. Co rút cơ thể vào trong vỏ
- B. Tiết chất nhờn
- C. Tung hỏa mù để chạy trốn
- D. Dùng tua miệng để tấn công

Câu 17: Thức ăn của nhện là gì?

- A. Vụn hữu cơ
- B. Sâu bọ
- C. Thực vật
- D. Mùn đất

Câu 18: Mai của mực thực chất là

- A. khoang áo phát triển thành.
- B. tấm miệng phát triển thành.
- C. vỏ đá vôi tiêu giảm.
- D. tấm mang tiêu giảm.

Câu 19: Đặc điểm nào dưới đây có ở sán lá gan?

- A. Miệng nằm ở mặt bụng.
- B. Mắt và lông bơi tiêu giảm.
- C. Cơ dọc, cơ vòng và cơ lưng bụng kém phát triển.
- D. Có cơ quan sinh dục đơn tính.

Câu 20: Phát biểu nào sau đây về sán lá gan là đúng ?

- A. Thích nghi với lối sống bơi lội tự do.
- B. Cơ thể đối xứng tỏa tròn.
- C. Sán lá gan không có giác bám.
- D. Sán lá gan có cơ quan sinh dục lưỡng tính.

Câu 21: Giun đũa gây ảnh hưởng như thế nào với sức khỏe con người?

- A. Hút chất dinh dưỡng ở ruột non, giảm hiệu quả tiêu hoá, làm cơ thể suy nhược.
- B. Số lượng lớn sẽ làm tắc ruột, tắc ống dẫn mật, gây nguy hiểm đến tính mạng con người.
- C. Sinh ra độc tố gây hại cho cơ thể người.
- D. Cả A và B đều đúng.

Câu 22: Vì sao khi kí sinh trong ruột non, giun đũa không bị tiêu hủy bởi dịch tiêu hóa?

A. Vì giun đũa chui rúc dưới lớp niêm mạc của ruột non nên không bị tác động bởi dịch tiêu hóa.

B. Vì giun đũa có khả năng kết bào xác khi dịch tiêu hóa tiết ra.

C. Vì giun đũa có lớp vỏ cuticun bọc ngoài cơ thể.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 23: Phát biểu nào sau đây về giun đũa là đúng ?

A. Có lỗ hậu môn.

B. Tuyến sinh dục kém phát triển.

C. Cơ thể dẹp hình lá.

D. Sống tự do.

Câu 24: Tấm lái ở tôm sông có chức năng gì ?

A. Bắt mồi và bò.

B. Lái và giúp tôm bơi giật lùi.

C. Giữ và xử lý mồi.

D. Định hướng và phát hiện mồi.

Câu 25: Các sắc tố trên vỏ tôm sông có ý nghĩa như thế nào?

A. Tạo ra màu sắc rực rỡ giúp tôm đe dọa kẻ thù.

B. Thu hút con mồi lại gần tôm.

C. Là tín hiệu nhận biết đực cái của tôm.

D. Giúp tôm ngụy trang để lẩn tránh kẻ thù.

Câu 26: Tuyến bài tiết của tôm sông nằm ở

A. đỉnh của đôi râu thứ nhất.

B. đỉnh của tấm lái.

C. góc của đôi râu thứ hai.

D. góc của đôi càng.

Câu 27: Chân hàm ở tôm sông có chức năng gì?

A. Bắt mồi và bò.

B. Giữ và xử lý mồi.

C. Bơi, giữ thăng bằng và ôm trứng.

D. Lái và giúp tôm giữ thăng bằng.

Câu 28: Vỏ tôm được cấu tạo bằng

A. kitin.

B. xenlulôzơ.

C. keratin.

D. collagen.

Câu 29: Ở tôm sông, bộ phận nào có chức năng bắt mồi và bò?

A. Chân bụng.

B. Chân hàm.

C. Chân ngực.

D. Râu.

Câu 30: Để phòng bệnh kí sinh, phải:

A. Không tưới rau bằng phân tươi

B. Tiêu diệt ruồi nhặng

C. Giữ gìn vệ sinh ăn uống

D. Giữ vệ sinh môi trường

E. Tất cả đều đúng.

PHẦN II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu 1(1,5 điểm): Vì sao lại xếp mực bơi nhanh cùng ngành với ốc sên bò chậm chạp ? Nêu vai trò của ngành thân mềm đối với con người ?

Câu 2(1 điểm): Nhện có tập tính chăng lưới, bắt mồi. Hãy mô tả lần lượt các bước mà nhện thực hiện tập tính đó? Vẽ hình lưới nhện?

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	7	D	13	B	19	B	25	D
2	B	8	D	14	B	20	D	26	C
3	B	9	B	15	B	21	D	27	B
4	D	10	B	16	C	22	C	28	A
5	A	11	C	17	B	23	A	29	C
6	A	12	C	18	C	24	B	30	E

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 1: Vì sao lại xếp mực bơi nhanh cùng ngành với ốc sên bò chậm chạp ? Nêu vai trò của ngành thân mềm đối với con người ?

Vì mực và ốc sên đều có những đặc điểm chung:

- Thân mềm, không phân đốt, có vỏ đá vôi
- Có khoang áo
- Hệ tiêu hóa phân hóa
- Cơ quan di chuyển thường đơn giản

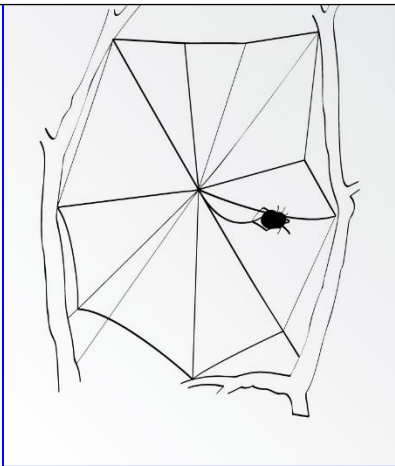
Vai trò của thân mềm đối với con người:

- + Làm thực phẩm cho con người
- + Nguyên liệu xuất khẩu
- + Làm sạch môi trường nước
- + Làm đồ trang trí, trang sức
- + Có ý nghĩa địa chất

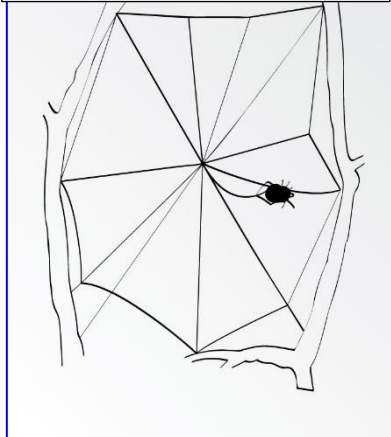
Câu 2: Nhện có tập tính chăng lưới, bắt mồi. Hãy mô tả lần lượt các bước mà nhện thực hiện tập tính đó? Vẽ hình lưới nhện?

Các bước nhện thực hiện tập tính chăng lưới:

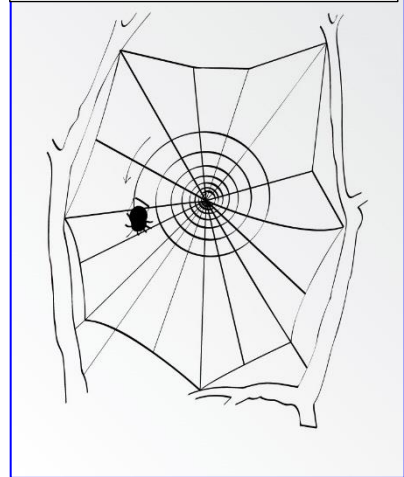
Bước 1: chăng dây tơ khung



Bước 2: Chăng dây tơ phóng xạ



Chăng các sợi tơ vòng



Các bước nhận thực hiện tập tính bắt mồi:

- 1: Nhận ngọam chặt mồi chích nọc độc
- 2: Tiết dịch tiêu hóa vào cơ thể con mồi
- 3: Trói chặt mồi rồi treo vào lưới để một thời gian.
- 4: Nhận hút dịch lỏng ở con mồi

ĐỀ 3

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn SINH HỌC LỚP 7

Thời gian: 45 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C, D) trước câu trả lời đúng trong các câu sau:

Câu 1: (0,5điểm) Trùng roi thuộc ngành động vật nào?

- A. Ngành ruột khoang. B. Ngành giun dẹp.
C. Ngành động vật nguyên sinh. D. Ngành giun đốt.

Câu 2: (0,5điểm) Đặc điểm chung của động vật nguyên sinh:

- A. Gây bệnh cho người và động vật khác.
B. Di chuyển bằng tua.
C. Cơ thể chỉ là một tế bào đảm nhiệm mọi chức năng sống.
D. Sinh sản hữu tính.

Câu 3: (0,5điểm) Cơ thể tôm được chia làm mấy phần chính?

- A. 2 phần. B. 3 phần. C. 4 phần. D. 5 phần.

Câu 4: (0,5điểm) Trai sông thuộc ngành nào:

- A. Ngành động vật nguyên sinh B. Ngành thân mềm.
C. Ngành chân khớp. D. Ngành động vật có xương sống.

Câu 5 : (0,5điểm) Đặc điểm nào KHÔNG PHẢI là tập tính của kiến?

- A. Tự vệ, tấn công. B. Dự trữ thức ăn.
C. Sống thành xã hội. D. Đục, cái nhận biết nhau bằng tín hiệu.

Câu 6 : (0,5 điểm) Ấu trùng của loài nào sống ở môi trường nước?

- A. Chuồn chuồn B. Ve sầu C. Ruồi D. Sâu bướm

II. PHẦN TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 7: (2 điểm) Hãy chỉ rõ đặc điểm chung và vai trò của ngành chân khớp?

Câu 8: (2 điểm) Giun đất thuộc ngành nào? Hãy trình bày cấu tạo ngoài của giun đất thích nghi với đời sống trong đất ?

Câu 9: (3 điểm) Phân biệt hai lớp cá sụn và lớp cá xương? Đặc điểm nào ở cá chép giúp chúng thích nghi với môi trường sống ở tầng nước giữa và tầng đáy? Ở địa phương em bảo vệ nguồn lợi cá bằng cách nào?

C. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5điểm

Câu	1	2	3	4	5	6
-----	---	---	---	---	---	---

Đáp án	C	C	A	B	D	A
--------	---	---	---	---	---	---

II. PHẦN TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 7 (2điểm):

ĐẶC ĐIỂM CHUNG (1Đ)	VAI TRÒ(1Đ)
Phần phụ chân khớp phân đốt Sự phát triển và tăng trưởng gắn liền với sự lột xác Vỏ kitin vừa che chở bên ngoài vừa làm chỗ bám cho cơ, có chức năng như bộ xương ngoài	- Có lợi: <i>Cung cấp thực phẩm cho con người; là thức ăn của Đv khác; làm thuốc chữa bệnh; thụ phấn cho cây trồng; làm sạch môi trường.</i> - Tác hại: <i>Làm hại cây trồng; làm hại cho nông nghiệp; hại đồ gỗ, tàu thuyền...; là vật trung gian truyền bệnh.</i>

Câu 8: (2điểm)

- Giun đất thuộc ngành giun đốt (1 đ)
- Cấu tạo thích nghi với đời sống ở dưới đất (1đ)
- + Cơ thể dài, thuôn 2 đầu
- + Phân nhiều đốt, mỗi đốt có vòng tơ
- + Chất nhầy làm da trơn
- + Có đai sinh dục và lỗ sinh dục

Câu 9: (3 điểm)

- Phân biệt: (1điểm)

Lớp cá sụn	Lớp cá xương
Bộ xương bằng chất sụn	Bộ xương bằng chất xương
Khe mang trần	Khe mang có nắp mang
Da nhám	Da phủ vảy
Miệng nằm ở mặt bụng	Miệng nằm ở đầu mõm

- Đặc điểm thích nghi với môi trường sống tầng nước giữa và tầng đáy (1 điểm)
- + Hình dạng thân tương đối ngắn
- + Khúc đuôi khỏe
- + Vây chẵn bình thường
- + Di chuyển nhanh
- Biện pháp: (1 điểm)
- + Tận dụng các vực nước
- + Không đánh bắt bừa bãi, không nổ mìn, dí điện
- + Khai thác cá to

.....

ĐỀ 4

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn SINH HỌC LỚP 7

Thời gian: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (3đ) : Em hãy chọn đáp án đúng nhất ở mỗi câu sau và ghi vào bài làm. phương án trả lời đúng là đúng).

Câu 1: Con gì sống cộng sinh với tôm ở nhờ mới di chuyển được?

- A. Sứa B. Hải quỳ C. San hô D. Thủy tức

Câu 2: Loài nào của Ruột khoang gây ngứa và độc cho người ?

- A. Sứa B. San hô C. Hải quỳ D. Thủy tức

Câu 3: Sán nào thích nghi với lối sống tự do thường sống dưới nước vùng ven biển nước ta

- A. Sán lá gan B. Sán dây C. Sán bã trầu D. Sán lông

Câu 4 : Tác hại của giun rễ lúa?

- A. Kí sinh ở rễ lúa B. Làm rễ lúa phát triển nhanh C. Gây thối rễ, lá úa vàng D. Cả a,b và c

Câu 5 : Trai di chuyển nhờ bộ phận nào ?

- A. Trai di chuyển nhờ chân trai hình lưỡi rìu
B. Chân trai thò ra rồi thụt vào kết hợp với động tác đóng mở vỏ
C. Trai di chuyển nhờ chân trai
D. Cả a,b và c.

Câu 6: Cách tự vệ của ốc sên?

- A. Co rút cơ thể vào trong vỏ C. Có lưỡi bào để tấn công kẻ thù
B. Đồi kìm có tuyến độc D. Cả a,b và c.

II. TỰ LUẬN:(7,0điểm)

Câu 7: (2đ) Nêu vai trò của ngành ruột khoang nói về đời sống con người và thiên nhiên.

Câu 8 (2đ): Nêu đặc điểm chung của ngành thân mềm ?

Câu 9(3đ): Em hãy vẽ vòng đời của sán lá gan? Muốn tiêu diệt sán lá gan ta phải làm gì ?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (3,0đ): Chọn phương án trả lời đúng, mỗi ý đúng ghi 0,5đ

Câu 1B , Câu 2A , Câu 3D , Câu 4C , Câu 5B , Câu 6A

II. TỰ LUẬN:(7,0điểm)

Câu 1: (2,0đ) Nêu vai trò của ngành ruột khoang nói về đời sống con người và thiên nhiên.

- Làm thức ăn cho con người và gia súc: sứa
- Làm cho môi trường biển thêm phong phú: San hô, Hải quỳ
- Là nguồn nguyên liệu để sản xuất đá vôi: San hô
- Làm sạch môi trường nước: Thủy tức. -Làm cản trở giao thông đường thủy: San hô

Câu 2 (2.0đ): Đặc điểm chung của ngành thân mềm là :

- Có thân mềm, cơ thể không phân đốt, có vỏ đá vôi bảo vệ cơ thể.
- Cơ thể thường có đối xứng hai bên. - Có khoang áo phát triển, hệ tiêu hóa phân hóa.
- Cơ quan di chuyển thường kém phát triển

Câu 3 (3,0đ): a/ Vòng đời của sán lá gan:

Trứng sán lá gan → Ấu trùng lông → Ấu trùng ốc → Ấu trùng có đuôi

Câu 12. Cơ thể đối xứng toả tròn, ruột dạng túi, cấu tạo thành cơ thể có hai lớp tế bào là đặc điểm của ngành động vật nào?

- A. Ruột khoang. B. Giun đốt C. Giun tròn D. Thân mềm.

II/ TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 1(2đ) Trình bày vòng đời trùng Sốt rét ?

Câu 2:(2đ) Hãy trình bày vòng đời của Giun đũa, đề phòng bệnh giun sán em cần làm gì ?

Câu 3: (2đ) Đặc điểm cấu tạo nào khiến chân khớp đa dạng về tập tính và môi trường sống ?

Câu 4 .(1đ)Vì sao nhiều nhà đào ao thả cá nhưng sau khi thu hoạch cá thì họ thấy trong ao có cả Trai?

ĐÁP ÁN + BIỂU ĐIỂM

I/ TRẮC NGHIỆM: (3 điểm) Chọn mỗi ý đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ. án	B	C	B	C	C	A	D	B	C	C	A	A

II/ TỰ LUẬN

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (2đ)	-Trùng sốt rét sống trong tuyến nước bọt của muỗi Anophen	0.5
	- Sau khi vào máu người, chúng chui vào hồng cầu ăn chất nguyên sinh bên trong hồng và sinh sản rất nhanh phá vỡ hồng cầu rồi chui ra	1.0
	- Lại chui vào hồng cầu khác, tiếp tục vòng đời kí sinh mới.	0.5
Câu 2 (2đ)	-Trứng theo phân ra ngoài phát triển thành ấu trùng phân tán đi khắp nơi.	0.5
	- Khi người ăn chúng chui vào ruột non, ấu trùng chui ra vào máu qua gan, tim, phổi, rồi về lại ruột non kí sinh.	0.5
	+ Không ăn rau sống, uống nước lã	0.25
	+ Rửa tay trước khi ăn, dùng lồng bàn đậy thức ăn, diệt ruồi nhặng, vệ sinh nơi ở sạch sẽ.	0.25
	+ Tẩy giun định kì một năm từ 1- 2 lần hoặc theo chỉ dẫn của thầy thuốc.	0.5
Câu 3 (2đ)	- Chân khớp đa dạng về môi trường sống và về tập tính là nhờ thích nghi rất cao và lâu dài với điều kiện sống thể hiện ở:	0.5
	+ Các phần phụ có cấu tạo thích nghi với từng môi trường sống như: ở nước là chân bơi, ở cạn là chân bò, ở trong đất là chân đào bới.	0.5
	+ Phần phụ miệng cũng thích nghi với các thức ăn lỏng, thức ăn rắn ... khác nhau.	0.5
	+ Đặc điểm thân kinh (đặc biệt não phát triển) và các giác quan phát triển là cơ sở để hoàn thiện các tập tính phong phú ở sâu bọ.	0.5
Câu 4 (1đ)	- Vì trong vòng đời có giai đoạn ấu trùng bám vào da và mang cá. Khi người ta thả cá vào thì các ấu trùng theo cá vào hồ và phát triển thành trai.	1.0

Câu 2: (2đ) Nêu tác hại của Giun đũa với sức khỏe con người đề phòng bệnh giun sán em cần làm gì ?

Câu 3: (2đ) Đặc điểm cấu tạo nào khiến chân khớp đa dạng về tập tính và môi trường sống ?

Câu 4 .(1đ)Vì sao nhiều nhà đào ao thả cá nhưng sau khi thu hoạch cá thì họ thấy trong ao có cả Trai?

ĐÁP ÁN + BIỂU ĐIỂM

I/ TRẮC NGHIỆM: (3 điểm) Chọn mỗi ý đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ. án	A	D	C	D	D	A	D	D	D	B	D	B

II/ TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (2đ)	- Trùng biến hình sống ở các lớp váng ao hồ ngoài tự nhiên hay ở trong các bình nuôi cấy.	0.5
	- Chúng di chuyển nhờ hình thành chân giả.	0.5
	- Dùng chân giả để bắt mồi	0.5
	- Tiêu hóa mồi nhờ không bào tiêu hóa.	0.5
Câu 2 (2đ)	Giun đũa gây hại cho sức khỏe con người ở chỗ: Ký sinh ở ruột lấy thức ăn, gây tắc ruột, tắc ống mật và còn tiết ra độc tố gây hại cho cơ thể người.	0.5
	+ Không ăn rau sống, uống nước lã	0.5
	+ Rửa tay trước khi ăn, dùng lồng bàn đậy thức ăn, diệt ruồi nhặng, vệ sinh nơi ở sạch sẽ.	0.5
	+ Tẩy giun định kì một năm từ 1- 2 lần hoặc theo chỉ dẫn của thầy thuốc.	0.5
Câu 3 (2đ)	-Chân khớp đa dạng về môi trường sống và về tập tính là nhờ thích nghi rất cao và lâu dài với điều kiện sống thể hiện ở:	0.5
	- Các phần phụ có cấu tạo thích nghi với từng môi trường sống như: ở nước là chân bơi, ở cạn là chân bò, ở trong đất là chân đào bới.	0.5
	- Phần phụ miệng cũng thích nghi với các thức ăn lỏng, thức ăn rắn ... khác nhau.	0.5
	- Đặc điểm thần kinh (đặc biệt não phát triển) và các giác quan phát triển là cơ sở để hoàn thiện các tập tính phong phú ở sâu bọ.	0.5
Câu 4 (1đ)	- Vì trong vòng đời có giai đoạn ấu trùng bám vào da và mang cá. Khi người ta thả cá vào thì các ấu trùng theo cá vào hồ và phát triển thành trai.	1.0

5	* Đặc điểm chung:	
	- Cơ thể có kích thước hiển vi, chỉ là một tế bào đảm nhận mọi chức năng sống.	0,5
	- Phần lớn dị dưỡng.	0,5
	- Sinh sản vô tính theo kiểu phân đôi và hữu tính	0,5
	* Lợi ích của động vật nguyên sinh trong tự nhiên và con người:	
- Trong tự nhiên:		
+ Làm sạch môi trường nước.		
+ Làm thức ăn cho động vật nước: giáp xác nhỏ, cá biển.	0,5	
- Đối với con người:	0,5	
+ Giúp xác định tuổi địa tầng, tìm mỏ dầu.		
+ Nguyên liệu chế giấy giáp.	0,5	
		0,5
6	- Cơ thể châu chấu gồm 3 phần:	
	+ Đầu: Râu, mắt kép, cơ quan miệng.	0,5
	+ Ngực: có 3 đôi chân và 2 đôi cánh	0,5
	+ Bụng: nhiều đốt mỗi đốt có một đôi lỗ thở	0,5
- Di chuyển: Bò, bay, nhảy.	0,5	
7	- Cấu tạo của giun đũa:	
	+ Hình trụ dài 25 cm	0,25
	+ Thành cơ thể: lớp biểu bì và cơ dọc phát triển	0,25
	+ Chưa có khoang cơ thể chính thức	0,25
	+ Ống tiêu hóa thẳng: có lỗ hậu môn	0,25
	+ Tuyến sinh dục dài và cuộn khúc	0,25
	+ Lớp cuticun có tác dụng làm căng cơ thể, tránh bị tiêu hóa bởi dịch tiêu hóa.	0,25
	* Ở nước ta qua điều tra thấy tỷ lệ mắc bệnh giun đũa cao vì:	
	- Nhà tiêu, hố xí ở nhiều nơi chưa hợp vệ sinh tạo điều kiện cho trứng giun phát tán.	0,5
	- Trình độ vệ sinh công cộng còn thấp: tưới rau bằng phân tươi, ăn rau sống, bán hàng ăn ở nơi bụi bặm, mất vệ sinh.	0,5

ĐỀ 8

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Môn SINH HỌC LỚP 7
Thời gian: 45 phút

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Chọn phương án đúng nhất và ghi kết quả vào giấy làm bài.

Câu 1. Hình thức dinh dưỡng của Trùng roi xanh là:

- a. Tự dưỡng b. Dị dưỡng c. Cả tự dưỡng và dị dưỡng d. Kí sinh.

Câu 2. Trùng sốt rét thường phát triển ở miền núi, vì:

- a. Có nhiều đầm lầy, nước đọng. b. Có nhiều cây cối rậm rạp.
c. Không khí thoáng mát. d. Cây cối rậm rạp, nhiều đầm lầy.

Câu 3. Muốn phòng bệnh kiết lị ta phải:

- a. Uống thuốc phòng bệnh. b. Giữ vệ sinh ăn uống.
c. Thường xuyên tắm rửa. d. Đeo khẩu trang.

Câu 4. Đặc điểm riêng của San hô so với Thủy tức, Sứa và Hải quỳ là:

- a. Sống thành tập đoàn. b. Sống bám.
c. Sống dị dưỡng. d. Sống tự dưỡng.

Câu 5. Loài Ruột khoang có thể cung cấp nhiều đá vôi là:

- a. Thủy tức b. San hô c. Hải quỳ d. Sứa

Câu 6. Môi trường kí sinh của Giun đũa ở người là:

- a. Gan b. Thận c. Ruột non d. Ruột già

Câu 7. Hệ thần kinh của Giun đất có dạng:

- a. Dây thần kinh b. Thần kinh dạng mạng lưới.
c. Não và các dây thần kinh d. Chuỗi hạch thần kinh.

Câu 8. Trai sông có lối sống:

- a. Nổi trên mặt nước b. Bơi lội trong nước
c. Sống ở đáy ao, hồ, ẩn nửa mình trong bùn cát d. Sống ở biển

Câu 9. Cơ thể có phần phụ phân đốt khớp động với nhau, đây là những đặc điểm của:

- a. Tôm sông b. Nhện c. Sâu bọ d. Ngành chân khớp

Câu 10. Các động vật nào dưới đây thuộc lớp Giáp xác?

- a. Tôm, mọt ẩm, cua đồng b. Tôm, ốc sên, bọ cạp
c. Mực, bạch tuộc, bọ ngựa d. Trai sông, sò, ốc vặn

Câu 11. Tim của cá được phân chia thành:

- a. 1 ngăn b. 2 ngăn c. 3 ngăn d. 4 ngăn

Câu 12. Cơ thể trai có cấu tạo như thế nào?

- a. Áo nằm dưới vỏ, mặt ngoài áo tiết vỏ đá vôi
- b. Mặt trong áo tạo thành khoang áo
- c. Phía trong là thân trai, phía ngoài là chân trai đây là trung tâm cơ thể.
- d. Cả a,b,c đều đúng.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1: (2,5điểm) Cơ thể Tôm sông chia làm mấy phần? Hãy kể tên và nêu chức năng của các phần phụ ở mỗi phần.

Câu 2: (1,0 điểm) Nêu sự khác nhau giữa San hô và Thủy tức trong sinh sản vô tính mọc chồi.

Câu 3: (1,5 điểm) Nêu đặc điểm chung của ngành Thân mềm.

Câu 4: (2,0 điểm) Trình bày nơi sống, đặc điểm cấu tạo, dinh dưỡng và di chuyển của Sán lá gan.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ ĐÁP ÁN

Môn: Sinh học 7

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (mỗi câu đúng 0,25 điểm).

1.c; 2.d; 3.b; 4.a; 5.b; 6.c; 7.d; 8.c; 9.d; 10.a; 11.b; 12.d.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
1		2,5 điểm
	<i>Cơ thể tôm sông gồm 2 phần:</i> Phần Đầu - ngực và phần bụng. - Đầu ngực: + Mắt, râu: định hướng phát hiện môi. + Các chân hàm: giữ và xử lí môi. + Chân ngực: bò và bắt môi. - Bụng: + Chân bụng: bơi, giữ thăng bằng, ôm trứng (con cái). + Tấm lái: lái, giúp tôm nhảy.	0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,5 đ 0,5 đ
2		1,0 điểm
	<i>Sự khác nhau giữa san hô và thủy tức trong sinh sản vô tính mọc chồi:</i> - Thủy tức, khi trưởng thành, chồi tách ra để sống độc lập. - San hô, chồi cứ tiếp tục dính với cơ thể mẹ để tạo thành các tập đoàn.	0,5 đ 0,5 đ
3		1,5 điểm
	<i>*Đặc điểm chung của ngành thân mềm:</i> + Thân mềm, không phân đốt. + Có vỏ đá vôi. + Khoang áo phát triển. + Hệ tiêu hoá phân hoá. + Cơ quan di chuyển thường đơn giản (Trừ mực và bạch tuộc)	0,5 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
4		2,0 điểm
	- <i>Nơi sống:</i> kí sinh ở gan và mật trâu, bò. - <i>Cấu tạo:</i> hình lá, dẹp, dài từ 2 – 5 cm, mặt và lông bơi tiêu giảm, giác bám phát triển. - <i>Dinh dưỡng:</i> Hầu có cơ khỏe giúp miệng hút chất dinh dưỡng từ môi trường kí sinh đưa vào ruột phân nhánh. - <i>Di chuyển:</i> chui rúc, luồn lách trong môi trường kí sinh.	0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ

ĐỀ 9

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Môn SINH HỌC LỚP 7
Thời gian: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất. (Mỗi câu đúng 0.5 điểm).

Câu 1: Bệnh do một loại trùng roi sống kí sinh trong máu gây ra, làm bệnh nhân rơi vào giấc ngủ li bì và có tỷ lệ tử vong rất cao. Hãy cho biết bệnh lan truyền qua loài nào sau đây?

- A. Muỗi vằn. B. Ruồi. C. Bướm. D. Ong.

Câu 2: Trùng sốt rét vào cơ thể người bằng cách nào?.

- A. Qua ăn uống. B. Qua máu. C. Qua da. D. Qua hô hấp.

Câu 3: Trùng roi, trùng giày và trùng biến hình có điểm giống nhau là:

- A. Chưa có cấu tạo tế bào. B. Chưa có nhân điển hình.
C. Cùng có cơ thể là 1 tế bào. D. Hấp thụ chất dinh dưỡng qua bề mặt tế bào.

Câu 4: Các nhóm động vật nào dưới đây thuộc giáp xác?.

- A. Tôm, cua, nhện, ốc. B. Mực, trai, tôm, cua.
C. Mọt ẩm, sun, chân kiếm, tôm. D. Cá, tôm, mực, cua.

Câu 5: Các động vật nguyên sinh sống kí sinh là:

- A. Trùng giày, trùng kiết lị. C. Trùng sốt rét, trùng kiết lị.
B. Trùng biến hình, trùng sốt rét. D. Trùng roi xanh, trùng giày.

Câu 6: Hải quỳ cộng sinh với loài nào sau đây để có thể di chuyển được:

- A. Cua. B. Tôm ở nhờ. C. Sứa. D. Ốc.

Câu 7: Quan sát cấu tạo ngoài tôm sông ta đếm được có:

- A. 5 đôi chân ngực. **B. 6 đôi chân ngực.**
C. 4 đôi chân ngực. D. 3 đôi chân ngực.

Câu 8: Đặc điểm chung của ngành ruột khoang là:

- A. Cơ thể phân đốt, có thể xoang, ống tiêu hoá phân hoá, bắt đầu có hệ tuần hoàn.
B. Cơ thể hình trụ thuôn hai đầu, có khoang cơ thể chưa chính thức, cơ quan tiêu hoá dài đến hậu môn.
C. Cơ thể dẹp, đối xứng hai bên và phân biệt đầu đuôi, lưng bụng, ruột phân nhiều nhánh, chưa có ruột sau và hậu môn.
D. Cơ thể đối xứng toả tròn, ruột dạng túi, cấu tạo thành cơ thể có hai lớp tế bào.

Câu 9: Ở phần đầu ngực của nhện, bộ phận nào có chức vụ bắt mồi và tự vệ?.

- A. Đôi kim có tuyến độc. B. Đôi chân xúc giác.
C. Núm tuyến tơ. D. Bốn đôi chân bò.

Câu 10: Châu chấu hô hấp bằng:

- A. Mang. B. Ống khí. C. Qua da. D. Phổi.

II. TỰ LUẬN : (7điểm)

Câu 1: Trình bày đặc điểm chung của lớp sâu bọ? Vì sao ta cần hạn chế tiêu diệt sâu bọ có hại bằng biện pháp hóa học? (3 điểm).

Câu 2: Vì sao bệnh sốt rét hay xảy ra ở miền núi và vùng sông nước? Biện pháp phòng tránh? (3 điểm).

Câu 3: Nêu chức năng của từng loại vây? (1 điểm).

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm:

<u>Câu</u>	<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>	<u>9</u>	<u>10</u>
<u>Đáp án</u>	<u>B</u>	<u>B</u>	<u>C</u>	<u>C</u>	<u>C</u>	<u>D</u>	<u>A</u>	<u>D</u>	<u>B</u>	<u>B</u>

II. Tự luận :

<u>Câu</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Điểm</u>
<u>1</u>	- Đặc điểm chung của lớp sâu bọ: + Cơ thể gồm 3 phần: đầu, ngực, bụng. + Phần đầu có 1 đôi râu, ngực có 3 đôi chân và 2 đôi cánh. + Hô hấp bằng ống khí. + Phát triển qua biến thái. - Trình bày được lý do ô nhiễm môi trường.	<u>1</u> <u>1</u>
<u>2</u>	+ Bệnh sốt rét thường hay xảy ra ở miền núi và vùng sông nước vì có nước tù đọng nơi sinh đẻ của muỗi Anôphen. + Đời sống còn thiếu thốn, trình độ văn hóa thấp nên vệ sinh kém và ý thức phòng chống bệnh sốt rét còn ít + Nêu được các biện pháp phòng tránh,	<u>0,5</u> <u>0,5</u> <u>1</u>
<u>3</u>	- Vây chẵn: + Vây ngực, vây bụng: giữ thăng bằng, rẽ phải, rẽ trái, lên, xuống, dừng lại, bơi đứng. - Vây lẻ: + Vây lưng, vây hậu môn: giữ thăng bằng theo chiều dọc.	<u>1</u>

+ Vây đuôi: đẩy nước làm cá tiến lên phía trước.

ĐỀ 10

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Môn SINH HỌC LỚP 7
Thời gian: 45 phút

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7,5 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau:

Câu 1: Mục tự bảo vệ bằng cách nào?

- A. Co rụt cơ thể vào trong vỏ
B. Tiết chất nhờn
C. Tung hỏa mù để chạy trốn
D. Dùng tua miệng để tấn công

Câu 2: Cách dinh dưỡng của ruột khoang?

- A. Tự dưỡng
B. Dị dưỡng
C. Kí sinh
D. Cả a và b

Câu 3: Môi trường kí sinh của giun đũa ở người là:

- A. Gan
B. Thận
C. Ruột non
D. Ruột già

Câu 4: Bệnh sốt rét lây truyền qua trung gian nào?

- A. Ruồi
B. Muỗi thường
C. Muỗi anophen
D. Gián

Câu 5: Phát biểu nào sau đây về châu chấu là sai?

- A. Hô hấp bằng phổi.
B. Tim hình ống.
C. Hệ thần kinh dạng chuỗi hạch.
D. Là động vật không xương sống.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây về châu chấu là đúng?

- A. Hô hấp bằng mang.
B. Có hạch não phát triển.
C. Là động vật lưỡng tính.
D. Là động vật có xương sống.

Câu 7: Nhận định nào dưới đây nói về hệ tuần hoàn của châu chấu?

- A. Tim 2 ngăn, một vòng tuần hoàn hở.
B. Tim hình ống, hệ tuần hoàn kín.
C. Tim hình ống, hệ tuần hoàn hở.
D. Tim 3 ngăn, hai vòng tuần hoàn kín.

Câu 8: Đặc điểm nào sau đây có ở châu chấu mà không có ở tôm?

- A. Hệ thần kinh dạng chuỗi hạch.
B. Có hệ thống ống khí.
C. Vỏ cơ thể bằng kitin.
D. Cơ thể phân đốt.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây về châu chấu là sai?

- A. Ống bài tiết lọc chất thải đổ vào ruột sau.
B. Hệ tuần hoàn kín.
C. Tim hình ống gồm nhiều ngăn ở mặt lưng.
D. Hạch não phát triển.

Câu 10: Loại động vật nào sau đây ký sinh trên da người ?

- A. Bọ cạp
B. Cái ghẻ
C. Ve bò
D. Nhện đỏ

Câu 11: Nhện có những tập tính nào?

- A. Chăng lưới, bắt mồi.
B. Sinh sản, kết kén.
C. Tất cả các ý đều đúng
D. Tất cả các ý đều sai

Câu 12: Châu chấu di chuyển bằng cách nào?

- A. Nhảy. B. Bay C. Bò. D. Tất cả các ý đều đúng

Câu 13: Châu chấu hô hấp bằng cơ quan nào?

- A. Mang B. Hệ thống ống khí
C. Hệ thống túi khí D. Phổi

Câu 14: Hệ tuần hoàn của châu chấu có chức năng gì ?

- A. Phân phối chất dinh dưỡng đến các tế bào. B. Cung cấp ôxi cho các tế bào.
C. Cung cấp ôxi do hệ thống ống khí đảm nhiệm. D. Tất cả các ý đều đúng

Câu 15: Hệ tuần hoàn của châu chấu thuộc dạng:

- A. Hệ tuần hoàn kín B. Hệ tuần hoàn hở C. Tim hình ống dài có 2 ngăn

Câu 16: Đối tượng nào sau đây thuộc lớp sâu bọ phá hại cây trồng mà phải phòng trừ tiêu diệt ?

- A. Châu chấu. B. Ong mật. C. Bọ ngựa D. Ruồi.

Câu 17: Trong các đặc điểm sau, đặc điểm nào không có ở các đại diện của ngành Thân mềm?

- A. Có vỏ đá vôi. B. Cơ thể phân đốt.
C. Có khoang áo. D. Hệ tiêu hoá phân hoá.

Câu 18: Để phòng bệnh giun kí sinh, phải:

- A. Không tưới rau bằng phân tươi B. Tiêu diệt ruồi nhặng
C. Giữ gìn vệ sinh ăn uống D. Giữ vệ sinh môi trường
E. Tất cả đều đúng.

Câu 19: Hình dạng của sán lá gan là:

- A. hình trụ tròn. B. hình sợi dài. C. hình lá. D. hình dù.

Câu 20: Quá trình chăng lưới ở nhện bao gồm các giai đoạn sau :

- (1): Chăng tơ phóng xạ.
(2): Chăng các tơ vòng.
(3): Chăng bộ khung lưới.

Hãy sắp xếp các giai đoạn trên theo thứ tự hợp lí.

- A. (3) → (1) → (2). B. (3) → (2) → (1).
C. (1) → (3) → (2). D. (2) → (3) → (1).

Câu 21: Phát biểu nào sau đây khi nói về ý nghĩa thực tiễn của ngành Thân mềm là sai?

- A. Là vật chủ trung gian truyền bệnh giun. B. Làm sạch môi trường nước.
C. Có giá trị về mặt địa chất. D. Làm thức ăn cho các động vật khác.

Câu 22: Phát biểu nào sau đây về ngành Thân mềm là sai?

- A. Thân mềm. B. Hệ tiêu hóa phân hóa.
C. Không có xương sống. D. Không có khoang áo.

Câu 23: Thân mềm có thể gây hại như thế nào đến đời sống con người?

- A. Làm hại cây trồng.
B. Là vật trung gian truyền bệnh giun, sán.
C. Đục phá các phần gỗ và phần đá của thuyền bè, cầu cảng, gây hại lớn cho nghề hàng hải.

ĐÁP ÁN

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	7	C	13	B	19	C	25	C
2	B	8	B	14	A	20	A	26	D
3	C	9	B	15	B	21	A	27	B
4	C	10	B	16	A	22	D	28	D
5	A	11	C	17	B	23	D	29	C
6	B	12	D	18	E	24	C	30	B

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 1: Đặc điểm chung và vai trò của ngành Ruột khoang

Đặc điểm chung của ngành ruột khoang:

- Cơ thể đối xứng tỏa tròn
- Ruột dạng túi
- Thành cơ thể có 2 lớp tb, giữa 2 lớp là tầng keo
- Tự vệ, tấn công bằng tế bào gai.

Vai trò:

- Trong tự nhiên:
 - + Tạo vẻ đẹp thiên nhiên
 - + Có ý nghĩa sinh thái đối với biển và đại dương
- Đối với đời sống:
 - + Làm đồ trang trí, trang sức
 - + Là nguồn cung cấp nguyên liệu vôi
 - + Làm thực phẩm có giá trị
 - + Hóa thạch san hô là vật chỉ thị trong nghiên cứu địa chất
- Tác hại:
 - + Một số loài gây ngứa và độc cho con người
 - + Tạo đá ngầm ảnh hưởng đến giao thông.

Câu 2: Cấu tạo ngoài của tôm: Cơ thể tôm được chia làm 2 phần:

- + Phần đầu – ngực.
- + Phần bụng.

Vỏ tôm rất cứng cáp (do được cấu tạo bằng Kitin có thấm thêm Canxi).

Vỏ tôm có sắc tố nên vỏ tôm có thể thay đổi theo màu sắc của môi trường.

- Các phần phụ của tôm:

- + Phần đầu ngực: Mắt kép, hai đôi râu, chân hàm, chân ngực.
- + Phần bụng : Chân bụng, tám lái.

- Khi chín vỏ tôm có màu hồng vì: vỏ của tôm có chứa sắc tố nên màu sắc của tôm thay đổi theo màu sắc của môi trường, khi bị chín (dưới sự tác động nhiệt độ khi rang, nấu) sắc tố của nó sẽ bị phá hủy nên có màu hồng.

- A. Trên cạn. B. Nước ngọt. C. Nước lợ. D. Nước mặn.
- Câu 14. Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở Sán lông mà không có ở Sán lá gan và sán dây?**
A. Giác bám phát triển. B. Cơ thể dẹp và đối xứng hai bên.
C. Mắt và lông bơi phát triển. D. Ruột phân nhánh chưa có hậu môn.
- Câu 15. Đặc điểm không có ở Sán lá gan là:**
A. Giác bám phát triển. B. Cơ thể dẹp và đối xứng hai bên.
C. Mắt và lông bơi tiêu giảm. D. Ruột phân nhánh, có hậu môn.
- Câu 16. Người bị nhiễm sán dây là do ăn phải:**
A. Trứng sán có trong ốc B. Nang sán có trong thịt của lợn, bò
C. Ốc có ấu trùng của sán D. Các loại thức ăn rau, ốc, thịt có trứng sán
- Câu 17. Loài sán nào sống kí sinh trong ruột người?**
A. Sán lá gan B. Sán lá máu C. Sán bã trầu D. Sán dây
- Câu 18. Nơi kí sinh của giun đũa là:**
A. Ruột non. B. Ruột thẳng. C. Ruột già. D. Dạ dày.
- Câu 19. Bộ phận nào của giun đũa phát triển giúp hút chất dinh dưỡng nhanh và nhiều?**
A. Hầu B. Cơ quan sinh dục C. Miệng D. Giác bám
- Câu 20. Giun đất hô hấp bằng:**
A. Da B. Mang C. Da và mang D. Phổi
- Câu 21. Máu giun đất có màu như thế nào? Vì sao?**
A. Không màu vì chưa có huyết sắc tố
B. Có màu đỏ vì có huyết sắc tố
C. Có màu vàng vì giun đất sống trong đất nên ít O₂
D. Cả A, B, C theo từng điều kiện
- Câu 22. Vào mùa mưa, sau những trận mưa lớn, ta hay bắt gặp giun đất chui lên mặt đất để:**
A. Kiếm mồi. B. Hô hấp.
C. Sinh sản. D. Tìm nơi ở mới.
- Câu 23. Hệ thần kinh của giun đất có dạng:**
A. Mạng lưới. B. Chuỗi hạch. C. Dạng ống. D. Phân tán.
- Câu 24. Các dạng thân mềm nào dưới đây sống ở nước ngọt?**
A. Trai, Sò. B. Sò, Mực. C. Trai, ốc sên. D. Trai, ốc vặn.
- Câu 25. Vỏ trai sông thường gồm mấy lớp?**
A. Một lớp. B. Hai lớp. C. Ba lớp. D. Bốn lớp.
- Câu 26. Mặt ngoài áo trai có tác dụng gì?**
A. Sinh ra khoang áo. C. Sinh ra lớp vỏ đá vôi.
B. Sinh ra lớp sừng. D. Sinh ra lớp xà cừ.
- Câu 27. Bạch tuộc thường có:**
A. 7 tua, mai lưng tiêu giảm. C. 9 tua, mai lưng tiêu giảm.
B. 8 tua, mai lưng tiêu giảm. D. Không có tua, mai lưng tiêu giảm.
- Câu 28. Mực bắt mồi bằng:**

A. Tua ngắn.

B. Tua dài.

C. Tua ngắn và tua dài.

D. Giác bám.

Câu 29. Những đặc điểm chỉ có ở mực là:

A. Bò chậm chạp, có mai.

B. Bò nhanh, có 2 mảnh vỏ.

C. Bơi nhanh, có mai.

D. Bơi chậm, có 1 mảnh vỏ.

Câu 30. Các phần phụ có chức năng giữ và xử lí mồi của tôm sông là:

A. Các chân hàm.

C. Các chân bơi (chân bụng).

B. Các chân ngực (càng, chân bò).

D. Tấm lái.

Câu 31. Người ta thường câu Tôm sông vào thời gian nào trong ngày?

A. Sáng sớm.

B. Buổi trưa

C. Chập tối.

D. Ban chiều.

Câu 32. Tôm được xếp vào ngành chân khớp vì:

A. Cơ thể chia làm 2 phần: đầu ngực và bụng.

B. Có phần phụ phân đốt, khớp động với nhau.

C. Thở bằng mang.

D. Cả A, B, C

Câu 33. Chấu chấu có những hình thức di chuyển nào?

A. Bay

B. Bò

C. Nhảy

D. Cả A, B, C

Câu 34. Những đại diện của lớp giáp xác là:

A. Trai sông, chân kiếm, sun, cua đồng.

B. Mọt ẩm, rận nước, sun, chân kiếm, cua nhện.

C. Cua đồng, ve bò, sun, chân kiếm.

D. Bọ cạp, sun, cua đồng, cua nhện.

Câu 35. Đặc điểm của lớp giáp xác là

A. Đầu có đôi râu, chân có nhiều đốt khớp với nhau

B. Đẻ trứng, ấu trùng lột các nhiều lần

C. Cơ thể được bao bọc bởi lớp vỏ kitin ngấm Canxi

D. Sống ở nước và thở bằng mang

Câu 36. Bộ phận nào của nhện có chức năng hô hấp?

A. Nút tuyến tơ

B. Lỗ sinh dục

C. Khe thở

D. Miệng

Câu 37. Số đôi phần phụ của nhện là:

A. 4 đôi

B. 5 đôi.

C. 6 đôi.

D. 7 đôi.

Câu 38. Hệ thần kinh của châu chấu dưới dạng nào?

A. Chuỗi hạch

B. Lưới

C. Tế bào rải rác

D. Không có hệ thần kinh

Câu 39. Đáp án đúng cho bài nói dưới đây là

Đại diện	Đặc điểm
1. Trùng roi	a. Di chuyển bằng chân giả rất ngắn, kí sinh ở thành ruột.
2. Trùng biến hình	b. Di chuyển bằng lông bơi, sinh sản theo kiểu phân đôi và tiếp hợp.
3. Trùng kiết lị	c. Di chuyển bằng chân giả, sinh sản theo kiểu phân đôi.

4. Trùng sốt rét.	d. Không có bộ phận di chuyển, sinh sản theo kiểu phân đôi.
	e. Di chuyển bằng roi, sinh sản theo kiểu phân đôi.
	g. Di chuyển bằng chân giả, sống phổ biến ở biển.

A. 1.g; 2.c; 3.d; 4.g.

B. 1.g; 2.c; 3.d; 4.g.

C. 1.e; 2.c; 3.a; 4.d.

D. 1.e; 2.g; 3.a; 4.d

Câu 40. Đáp án đúng cho bài nối dưới đây là

Đại diện	Đặc điểm
1. Thủy tức	a. Gồm một tế bào có chất nguyên sinh, nhân lớn, nhân bé, không bào co bóp
2. Nhện	b. Cơ thể đối xứng tỏa tròn, thành cơ thể có 2 lớp, ruột dạng túi
3. Trùng giày	c. Cơ thể dẹp, đối xứng hai bên và ruột phân nhánh.
4. Trai	d. Cơ thể có 2 phần: Đầu-ngực và bụng, hoạt động chủ yếu về ban đêm
	e. Cơ thể bên ngoài là áo có ống hút, ống thoát, trong là thân, chân riu.

A. 1.a; 2.b; 3.c; 4.e.

B. 1.b; 2.d; 3.e; 4.a.

C. 1.e; 2.c; 3.a; 4.d.

D. 1.b; 2.d; 3.a; 4.e

.....**Hết**.....

Đáp án

1.C	2.D	3.B	4.D	5.A	6.A	7.D	8.A	9.C	10.B
11.A	12.B	13.D	14.C	15.D	16.B	17.D	18.A	19.A	20.A
21.B	22.B	23.B	24.D	25.C	26.C	27.B	28.B	29.C	30.A
31.C	32.B	33.D	34.B	35.C	36.C	37.C	38.A	39.C	40.D

ĐỀ 12

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Môn SINH HỌC LỚP 7
Thời gian: 45 phút

Phần trắc nghiệm

Câu 1: Loài nào sau đây không thuộc động vật nguyên sinh?

a. Trùng đế giày

c. Kiến

b. Trùng biến hình

d. Trùng roi xanh

Câu 2: Mục tự vệ bằng cách nào:

a. Làm to cơ thể

c. Phun túi mực

b. Bỏ chạy

d. Đứng yên.

Câu 3: Côn trùng phát triển qua mấy giai đoạn:

- a. 1
- b. 2
- c. 3
- d. 4

Câu 4: Bộ phận nào làm tôm có màu đỏ khi luộc:

- a. Râu
- b. Chân
- c. Càng
- d. Lớp vỏ

Câu 5: Cá chép không có vây nào:

- a. Vây ngực
- b. Vây đầu
- c. Vây lưng
- d. Vây bụng

Câu 6: Loài nào sau đây không thuộc ngành ruột khoang

- a. San hô
- b. Thủy tức
- c. Mực
- d. Hải quỳ

Câu 7: Ngọc trai được tạo thành nhờ bộ phận nào?

- a. Lớp vỏ đá vôi
- b. Lớp sừng
- c. Lớp vỏ xà cừ
- d. Lớp thịt.

Câu 8: Sán lá gan lây truyền qua con đường nào?

- a. Ăn uống
- b. Hô hấp
- c. Tiếp xúc
- d. Máu

Câu 9: Loài nào không thuộc chân khớp?

- a. Tôm
- b. Châu chấu
- c. Nhện
- d. Ốc sên

Câu 10: Vì sao cá ngừ không nhắm mắt?

- a. Không có mí mắt
- b. Phát hiện kẻ thù
- c. Không thích
- d. Phát hiện con mồi

Câu 11: Biện pháp phòng bệnh kiết lị:

- a. Không nắm tay nhau.
- b. Không ăn đồ ngọt.
- c. Không dùng chung đồ cá nhân
- d. Ăn chín uống sôi

Câu 12: Đĩa có ứng dụng trong:

- a. Chế biến thực phẩm
- b. Dùng làm vật nuôi
- c. Y học
- d. Trang trí.

Câu 13: Loài ruột khoang nào có giá trị thực phẩm.

- a. San hô
- b. Thủy tức
- c. Hải quỳ
- d. Sứa

Câu 14: Nuôi kiến vàng ở vườn cam để làm gì?

- a. Làm thức ăn cho chim
- b. Tiêu diệt sâu bọ hại cây cam
- c. Canh giữ vườn cam
- d. Ăn hết lá khô.

Câu 15: Cá sấu không thuộc lớp cá vì?

- a. Sống ở dưới nước.
- b. Phân tính.
- c. đẻ trứng
- d. Thở bằng phổi

Phần tự luận

Câu 1: Kể tên các lớp đã học thuộc ngành chân khớp, nêu đại diện ở từng lớp.

Câu 2:

” Sau nhiều mùa vụ hành thất bát do sâu, rầy tấn công trên diện rộng, nhiều nông dân ở làng trồng hành Thanh Thủy, xã Bình Hải, Bình Sơn, Quảng Ngãi đã nghĩ cách làm ra các bẫy đèn, để tiêu diệt sâu, rầy. Đây là cách làm thân thiện với môi trường và mang lại hiệu quả cao. Chong bẫy đèn, tiêu diệt được hơn 100 con rầy, bươm đẻ trứng/đêm” (Theo Ý Thu, báo Danviet.vn)

Theo em, người dân Quảng Ngãi đã lợi dụng tập tính nào của côn trùng để làm bẫy đèn. Em hãy giải thích cách hoạt động của bẫy đèn?

Câu 3: Vì sao cá có thể lặn, nổi dễ dàng dưới nước?

Câu 4:

“ Ngày 26 tháng 3 năm 2013, [Cơ quan Lương Nông quốc tế](#) (FAO) đưa ra báo động về tình trạng trầm trọng của nạn [châu chấu](#) ở Madagascar và cho biết cần nhiều triệu dollar cho công cuộc cứu đói. Hàng tỷ con châu chấu tràn ngập trên phân nửa quốc gia này. Hàng đàn châu chấu bay như những đám mây, đáp xuống đâu ăn trụi hết cây cối hoa cỏ. FAO dự đoán nạn châu chấu sẽ gây thiếu lương thực và đói cho 60% dân chúng Madagascar với 2/3 mùa màng bị tiêu hủy, và cho đến tháng 9 cần phải có \$41.5 triệu cho công cuộc cứu trợ khẩn cấp.

Theo tài liệu của FAO, châu chấu mỗi ngày có thể bay xa tới 50 [dặm](#) và các đàn châu chấu trải ra trên mỗi dặm vuông khoảng 200 triệu con, đồng thời tiếp tục sinh đẻ và nở ra những con nhỏ. Một tấn châu chấu - chỉ là phần rất nhỏ trong một đàn - mỗi ngày tiêu thụ hay phá hoại một lượng lương thực cần dùng của 2.500 người. Tuy nhiên nhiều dân tộc, kể cả dân [Do Thái](#), cũng ăn châu chấu và coi là một món thực phẩm hợp khẩu vị.” (Theo Wikipedia.org)

Dựa vào đoạn trích trên, em hãy nêu nguyên nhân, hậu quả của việc châu chấu di cư?

Câu 5: Người ta thường câu cá vào những thời điểm nào? Vì sao?

PHẦN 5: HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần trắc nghiệm

1.C	2.C	3.B	4.D	5.B	6.C	7.C	8.A
9.D	10.A	11.D	12.C	13.D	14.B	15.D	

Phần tự luận

Câu	Trả lời	Điểm
1	Các lớp thuộc ngành chân khớp: Giáp xác, hình nhện, sâu bọ.	0.5
	Các đại diện:	
	- Lớp giáp xác: tôm, cua,	0.5
	- Lớp hình nhện: nhện, bọ cạp,..	0.5
	- Lớp sâu bọ: ong, kiến, bướm,..	0.5
2	Tập tính: hướng sáng của côn trùng	1.0
	Buổi tối bật đèn lên, sâu bọ hại cây trồng sẽ bay đến và mắc bẫy	1.0
3	Cá chép lặn, nổi dễ dàng vì:	
	- Có hệ thống các vây bơi	0.5
	- Có bóng hơi bên trong cơ thể	0.5
4	Nguyên nhân, hậu quả châu chấu di cư:	
	Nguyên nhân: nhiệt độ ấm áp, số lượng tăng nhanh, thiếu thức ăn nên phải di cư để tìm kiếm thức ăn.	0.5
	Hậu quả: phá hoại mùa màng, gây cản trở giao thông.	0.5
5	Câu cá vào thời điểm chiều tối hoặc trời mưa phùn.	0.5
	Vì tập tính kiếm ăn của cá vào những buổi chiều tối hoặc lúc mưa phùn.	0.5

ĐỀ 13

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Môn SINH HỌC LỚP 7
Thời gian: 45 phút

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

I. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Tác hại của giun móc câu đối với cơ thể người là:

- A. Hút máu, bám vào niêm mạc ta tràng. B. Làm người bệnh xanh xao, vàng vọt.
C. Gây ngứa ở hậu môn. D. Gây tắc ruột, tắc ống mật.

Câu 2: Hình thức sinh sản không gặp ở thủy tức là

- A. Mọc chồi. B. Tái sinh. C. Phân đôi. D. Sinh sản hữu tính.

Câu 3: Nhóm nào sau đây gồm những chân khớp có tập tính dự trữ thức ăn?

- A. Tôm sông, nhện, ve sầu. B. Kiến, bướm cải, tôm ở nhờ.
C. Ong mật, bọ ngựa, tôm ở nhờ. D. Kiến, ong mật, nhện.

Câu 4: Để bảo vệ mùa màng, tăng năng suất cây trồng phải diệt sâu hại ở giai đoạn nào?

- A. Giai đoạn bướm B. Giai đoạn nhộng. C. Giai đoạn sâu non. D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 5: Cơ quan di chuyển của trai sông?

- A. Chân trai thò ra và thụt vào. B. Trai hút và phun nước.
C. Chân trai kết hợp với sự đóng mở của vỏ. D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 6: Khi mưa nhiều giun đất lại chui lên mặt đất để:

- A. Hô hấp. B. Tìm nơi ở mới. C. Dễ dàng bơi lội. D. Tìm thức ăn.

Câu 7: Loài thuộc lớp Sâu bọ có ích trong việc thụ phấn cho cây trồng:

- A. Châu chấu B. Bướm. C. Bọ ngựa. D. Dế trũi.

Câu 8: Trẻ em hay mắc bệnh giun kim vì:

- A. Không ăn đủ chất. B. Không biết ăn rau xanh.
C. Có thói quen bỏ tay vào miệng. D. Hay chơi đùa.

II. Điền từ hoặc cụm từ phù hợp để điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn sau.

Nhện hoạt động chủ yếu về.....có các tập tính thích hợp với.....môi sống. Trừ một số đại diện.....(như cái ghê, ve bò...) còn đa số nhện đều.....chúng săn bắt sâu bọ có hại.

III. Hãy ghép các chữ cái (a, b, c, d) vào cột (1, 2, 3, 4) để xác định chức năng của từng bộ phận.

Các phần phụ	Nói	Chức năng
a. 2 mắt kép và 2 đôi râu		1. Bơi, giữ thăng bằng và ôm trứng.
b. Các chân ngực		2. Định hướng, phát hiện mồi.
c. Chân bơi (Chân bụng)		3. Giữ và xử lý mồi.
d. Các chân hàm		4. Bắt mồi và bò.

B. TỰ LUẬN (6đ)

Câu 1:(2đ) Lấy ví dụ chứng minh vai trò của lớp Giáp xác?

Câu 2:(2đ) Trùng sốt rét có cấu tạo và dinh dưỡng như thế nào? Vì sao bệnh sốt rét hay xảy ra ở miền núi? Em hãy đề ra biện pháp phòng tránh bệnh sốt rét?

Câu 3:(1đ) Vẽ sơ đồ vòng đời sán lá gan?

Câu 4:(1đ) Vì sao nói “ Giun đất là bạn của nhà nông”?

ĐÁP ÁN BÀI THI HỌC KÌ I NĂM HỌC MÔN SINH HỌC 7

A. TRẮC NGHIỆM (4đ)

(Mỗi câu trắc nghiệm làm đúng được 0,25đ).

I. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	D	C	C	A	B	C

II. Điền từ hoặc cụm từ phù hợp để điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn sau.

HS điền theo thứ tự sau: ban đêm, săn bắt, có hại, có lợi.

III. Hãy ghép các chữ cái (a, b, c, d) vào cột (1, 2, 3, 4) để xác định chức năng của từng bộ phận.

- a - 2 b - 4 c - 1 d - 3

B. TỰ LUẬN (6đ)

Câu 1:(2đ) Vai trò của lớp Giáp xác:

* Lợi ích: (1đ)

- Là nguồn thức ăn của cá: rận nước, chân kiếm tự do,...
- Là nguồn cung cấp thực phẩm: tôm sông, cua, tép,...
- Là nguồn lợi xuất khẩu: cua nhện, tôm hùm,...

* Tác hại: (1đ)

- Có hại cho giao thông đường thủy: sun
- Có hại cho nghề cá: chân kiếm kí sinh
- Truyền bệnh giun sán: tôm, cua,...

Câu 2:(2đ)

* Cấu tạo và dinh dưỡng: (0,5đ)

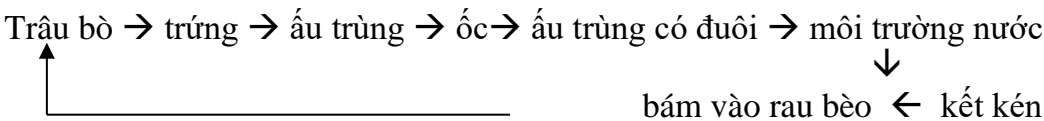
- Kích thước nhỏ, không có cơ quan di chuyển và các không bào.
- Dinh dưỡng: Chui vào hồng cầu, sử dụng chất dinh dưỡng trong hồng cầu.

* Bệnh sốt rét thường xảy ra ở miền núi vì: đây là môi trường thuận lợi (nhiều vùng lầy, nhiều cây cối rậm rạp...) nên có nhiều muỗi Anôphen mang các mầm bệnh trùng sốt rét. (1đ)

* Biện pháp: (0,5đ)

- Vệ sinh môi trường: Phát quang bụi rậm, đặc biệt là ao tù nước đọng, phun thuốc diệt muỗi.
- Vệ sinh cá nhân, ngủ phải có màn.

Câu 3:(1đ) Vòng đời của sán lá gan:



Câu 4:(1đ)

Nói “ Giun đất là bạn của nhà nông” vì: Trong hoạt động sống giun đất thường xuyên đào hang để ăn đất và các vụn hữu cơ làm đất tơi xốp thoáng khí, tăng độ phì nhiêu cho đất , tiết chất nhầy làm mềm đất , phân giun có cấu trúc hạt tròn làm đất tăng độ màu mỡ cho đất.

ĐỀ 14

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Môn SINH HỌC LỚP 7
Thời gian: 45 phút

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Chọn phương án đúng nhất và ghi kết quả vào giấy làm bài.

Câu 1. Hình thức dinh dưỡng của Trùng roi xanh là:

- a. Tự dưỡng b. Dị dưỡng c. Cả tự dưỡng và dị dưỡng d. Kí sinh.

Câu 2. Trùng sốt rét thường phát triển ở miền núi, vì:

- a. Có nhiều đầm lầy, nước đọng. b. Có nhiều cây cối rậm rạp.
c. Không khí thoáng mát. d. Cây cối rậm rạp, nhiều đầm lầy.

Câu 3. Muốn phòng bệnh kiết lị ta phải:

- a. Uống thuốc phòng bệnh. b. Giữ vệ sinh ăn uống.
c. Thường xuyên tắm rửa. d. Đeo khẩu trang.

Câu 4. Đặc điểm riêng của San hô so với Thủy tức, Sứa và Hải quỳ là:

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ ĐÁP ÁN

Môn: Sinh học 7

Năm học: 2017 - 2018

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (mỗi câu đúng 0,25 điểm).

1.c; 2.d; 3.b; 4.a; 5.b; 6.c; 7.d; 8.c; 9.d; 10.a; 11.b; 12.d.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
1		2,5 điểm
	<i>Cơ thể tôm sông gồm 2 phần:</i> Phần Đầu - ngực và phần bụng. - Đầu ngực: + Mắt, râu: định hướng phát hiện môi. + Các chân hàm: giữ và xử lí môi. + Chân ngực: bò và bắt môi. - Bụng: + Chân bụng: bơi, giữ thăng bằng, ôm trứng (con cái). + Tấm lái: lái, giúp tôm nhảy.	0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,5 đ 0,5 đ
2		1,0 điểm
	<i>Sự khác nhau giữa san hô và thủy tức trong sinh sản vô tính mọc chồi:</i> - Thủy tức, khi trưởng thành, chồi tách ra để sống độc lập. - San hô, chồi cứ tiếp tục dính với cơ thể mẹ để tạo thành các tập đoàn.	0,5 đ 0,5 đ
3		1,5 điểm
	<i>*Đặc điểm chung của ngành thân mềm:</i> + Thân mềm, không phân đốt. + Có vỏ đá vôi. + Khoang áo phát triển. + Hệ tiêu hoá phân hoá. + Cơ quan di chuyển thường đơn giản (Trừ mực và bạch tuộc)	0,5 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
4		2,0 điểm
	- <i>Nơi sống:</i> kí sinh ở gan và mật trâu, bò. - <i>Cấu tạo:</i> hình lá, dẹp, dài từ 2 – 5 cm, mắt và lông bơi tiêu giảm, giác bám phát triển. - <i>Dinh dưỡng:</i> Hầu có cơ khỏe giúp miệng hút chất dinh dưỡng từ môi trường kí sinh đưa vào ruột phân nhánh. - <i>Di chuyển:</i> chui rúc, luôn lách trong môi trường kí sinh.	0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ

ĐỀ 15

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn SINH HỌC LỚP 7

Thời gian: 45 phút

I. Trắc nghiệm khách quan (3đ) Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời đúng.

Câu 1. Các động vật nguyên sinh nào sau đây có lối sống tự do ngoài môi trường:

A. Trùng giày, trùng roi

B. Trùng biến hình, trùng sốt rét.

C. Trùng sốt rét, trùng biến hình.

D. Trùng roi xanh, trùng kiết lị.

Câu 2. Nhóm động vật nào dưới đây kí sinh và phá hồng cầu của người?

- A.Trùng kiết lị, trùng biến hình
B.Trùng sốt rét, trùng giày
C.Trùng sốt rét, trùng kiết lị
D.Trùng roi xanh, trùng biến hình
- Câu 3.**Đặc điểm nào dưới đây có ở sán lá gan và loài sán dây?
A.Giác bám phát triển
B.Cơ thể dẹp và đối xứng 2 bên.
C.Mắt và lông bơi phát triển
D.Ruột phân nhánh.
- Câu 4.** Để phòng tránh bệnh giun, sán ta phải làm gì?
A.Tiêm phòng đúng quy định.
B. Uống thuốc phòng bệnh đầy đủ
C. Ăn ở giữ vệ sinh tốt
D. Tất cả các phương án trên.
- Câu 5.** Các loài trai, ngao, sò, ốc, hến, sên đều có điểm gì sau đây giống nhau?
A.Thân mềm, hai mảnh vỏ
B.Thân mềm, có vỏ đá vôi cứng
C.Thân mềm, có phân đốt
D.Thân mềm, có khả năng di chuyển.
- Câu 6.** Các loài thân mềm nói chung đều có giá trị thế nào ?
A. Đa số có hại cho con người.
B. Hầu hết là có lợi nhiều mặt.
C. Vừa có lợi, vừa có hại.
D. Không xác định rõ ràng lợi ích.
- Câu 7.** Đặc điểm nào đặc trưng nhất cho các loài Sứa, Thủy tức, San hô, Hải quỳ:
A. Cơ thể đối xứng.
B. Có hệ thần kinh phát triển
C. Ruột dạng túi
D. Thành cơ thể hai lớp tế bào.
- Câu 8.** Vai trò quan trọng của các loài Ruột khoang với môi trường là điểm nào:
A. Tạo cảnh quan đẹp.
B. Làm sạch môi trường sinh thái nước.
C. Có tế bào gai tự vệ, tấn công
D. Nguyên liệu quý giá để trang trí.
- Câu 9.** Trong ngành chân khớp, nhiều chân nhất là nhóm các loài nào sau đây:
A. Tôm, tép.
B. Châu chấu, cào cào.
C. Nhện, bọ cạp
D. Cua biển, cua đồng
- Câu 10.** Tôm, nhện, ong, cua, mọt có điểm nào giống nhau nhất trong sau đây:
A. Có chân bò.
B. Có hệ thần kinh chuỗi hạch phát triển
C. Có vỏ áo giáp cứng
D. Có phần phụ phân đốt và khớp động với nhau
- Câu 11.** Vây lưng cá có tác dụng gì trong đời sống của cá:
A. Để rẽ nước nhanh hơn khi bơi.
B. Để giữ thăng bằng chiều dọc cơ thể.
C. Để hướng lên trên khi bơi.
D. Để giữ thăng bằng chiều ngang cơ thể
- Câu 12.** Vì sao trứng cá chép mỗi lứa đẻ có hàng vạn trứng được sinh ra?
A. Tỷ lệ con non sống sót thấp.
B. Tỷ lệ cá con nở ra quá thấp
C. Thụ tinh ngoài nên tỉ lệ sống sót thấp
D. Được thụ tinh trong nước

B.Tự luận (7đ)

Câu 1 (2,0đ): Bệnh do kí sinh trùng và giun sán kí sinh rất hại cho sức khỏe con người, chúng ta cần phòng tránh bệnh do chúng gây ra thế nào cho cá nhân và cộng đồng?

Câu 2 (2,0đ): Động vật lớp sên bọ rất phong phú, chúng có cấu tạo gì điển hình?

Câu 3 (3đ): Các động vật thân mềm và ruột khoang có vai trò gì với sinh cảnh biển và con người?

Em cần làm gì để bảo vệ và giữ gìn cảnh quan biển đảo chúng ta hiện nay?

HƯỚNG DẪN CHẤM

1. Trắc nghiệm mỗi câu trả lời đúng, được 0,25 điểm. (0,25đ x 12= 3,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-----	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----

Đáp án	A	C	B	C	D	B	C	B	A	D	B	C
--------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

2. Tự luận (7 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 2,0 đ	<p>* HS trình bày một số cách phòng tránh bệnh do kí sinh trùng, giun sán gây ra (8 việc làm trong các ý sau):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện ăn chín, uống sôi không ăn thức ăn ôi thiu, - Vệ sinh cá nhân và gia đình được sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp. - Vệ sinh cộng đồng: sạch rác, dọn quang ngõ xóm, ao tù, ... - Tuyên truyền giáo dục, phổ biến phòng, chống bệnh tật, ... - Tiêm phòng, uống thuốc, diệt muỗi, tẩy giun - Quản lí trồng rau an toàn, thân thiện môi trường,... - Xử lí, phân loại rác thải tránh ảnh hưởng môi trường,... - Xử lí vụ việc thực phẩm bẩn và ô nhiễm môi trường, 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
Câu 2 2,0 đ	<p>* Động vật chân khớp có cấu tạo điển hình (có 8 yêu cầu):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp vỏ kitin vừa là bộ xương ngoài, áo ngực trang, - Cơ thể ba phần: đầu, ngực, bụng. - Phát triển qua biến thái: hoàn toàn và không hoàn toàn - Đầu có 1 đôi râu, ngực có 3 đôi chân, và 2 đôi cánh. - Hô hấp bằng hệ thống ống khí ở bụng - Hệ tuần hoàn hở, tim hình ống, nhiều ngăn nằm ở mặt bụng - Thần kinh phát triển cao, có hạch não phát triển. - Đù 5 giác quan: Xúc giác, khứu giác, thính giác, thị giác, vị giác 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
Câu 3 3,0 đ	<p>a* Lợi ích (4 trong các ý sau):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chúng ăn phù du trôi nổi, chất hữu cơ làm sạch môi trường nước. - Tạo nên hệ sinh thái quan trọng của biển cả thăm quan, du lịch. - Làm đồ trang sức đẹp, có giá trị, cảm hứng sáng tác nghệ thuật. - Làm thức ăn có giá trị dinh dưỡng cao, xuất khẩu có giá trị. <p>Dùng làm thuốc phòng, chữa bệnh cho người.</p> <p>Thức ăn, nơi ở cho động vật khác trong hệ sinh thái.</p> <p>b* Việc cần làm để bảo vệ môi trường biển đảo (4 trong các ý sau):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không xả rác bừa bãi làm ảnh hưởng môi trường biển - Không săn bắt bừa bãi, phá hoại động vật biển, đảo. - Tuyên truyền, phổ biến, vận động, ngăn chặn hành vi vi phạm - Học tập nâng cao trình độ, nghiên cứu phát triển, bảo vệ biển - Bảo vệ và giữ gìn các khu bảo tồn tài nguyên biển. - Thực hiện giữ gìn vệ sinh, chung tay dọn rác bãi biển, ... 	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

Học sinh trình bày đảm bảo các nội dung, đáp án có thể khác vẫn đúng, phù hợp đến đâu, GV cho điểm đến đó để đảm bảo tính độc lập và sáng tạo của HS.

ĐỀ 16

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Môn SINH HỌC LỚP 7
Thời gian: 45 phút

A- PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4đ) (Trả lời ghi vào phần bài làm)

I- Chọn ý trả lời đúng nhất: (2đ)

1/ Trùng biến hình di chuyển nhờ:

- a) Chân giả
- b) Lông bơi
- c) Vây bơi
- d) Roi bơi

2/ Thế nào là dị dưỡng?

- a) Là tự tổng hợp được chất hữu cơ ngoài ánh sáng nhờ có diệp lục.
- b) Là gây hại cho vật chủ.
- c) Là sống cộng sinh với nhau.
- d) Là khả năng dinh dưỡng nhờ chất hữu cơ có sẵn.

3/ Con gì sống cộng sinh với tôm ở nhờ mới di chuyển được?

- a) Thủy tức.
- b) Hải quỳ
- c) Sứa.
- d) San hô.

4/Hình thức sinh sản giống nhau giữa san hô và thủy tức là:

- a) Tái sinh
- b) Thụ tinh
- c) Mọc chồi
- d) Tái sinh và mọc chồi

II- Chọn và điền từ thích hợp vào chỗ trống (Các từ cho sẵn: cứng, đá vôi, kitin, tiêu giảm, phát triển, mềm) (1đ)

Trai, sò, ốc sên, ốc vặn, ngao, hén, mực có môi trường sống và lối sống rất khác nhau nhưng cơ thể đều có đặc điểm chung là: thân(1)....., không phân đốt, có vỏ(2)....., có khoang áo phát triển, hệ tiêu hóa phân hóa và cơ quan di chuyển thường đơn giản. Riêng mực, bạch tuộc thích nghi với lối săn mồi và di chuyển tích cực nên vỏ(3)..... và cơ quan di chuyển(4).....

III- Ghép cột A với cột B cho phù hợp: (1đ)

A. Đặc điểm cấu tạo ngoài	B. Sự thích nghi
1.Thân cá chép thon dài, đầu thuôn nhọn gắn chặt với thân 2.Mắt không có mi, màng mắt tiếp xúc với môi trường nước 3 . Vảy có da bao bọc, trong da có nhiều tuyến tiết chất nhầy 4. Sự sắp xếp vảy cá trên thân khớp với nhau như ngói lợp	a- Giảm ma sát b-Cử động theo chiều ngang c- Giảm sức cản của nước d- Bơi chèo e- Màng mắt không bị khô

B. PHẦN TỰ LUẬN: (6đ)

Câu 1: Cấu tạo của sán lá gan thích nghi với đời sống ký sinh như thế nào? (1,5đ)

Câu 2: Trình bày các tập tính của nhện? (2đ)

Câu 3: Địa phương em có những biện pháp nào chống sâu bọ có hại nhưng an toàn cho môi trường? (1,5đ)

Câu 4: Nhiều ao đào thả cá, trai không thả mà tự nhiên có, tại sao? (1đ)

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

A. Phần trắc nghiệm: (4đ)

Câu 1: (2đ)

1	2	3	4
a	d	b	c

Đúng mỗi ý 0,5đ

Câu 2: (1đ)

1	2	3	4
Mềm	Đá vôi	Tiêu giảm	Phát triển

Điền đúng mỗi từ 0,25đ

Câu 3: (1đ) Ghép cột A với Cột B: 1-c ; 2-e ; 3-a ; 4-b . Đúng mỗi ý 0,25đ

B. Phần tự luận: (6đ)

Câu 1: (1,5đ) Nêu được:

- Sán lá gan ký sinh ở nội tạng trâu bò nên mắt và lông bơi tiêu giảm (0,5đ)
- Nhờ các giác bám phát triển giúp chúng bám chặt vào nội tạng vật chủ (0,5đ)
- Nhờ cơ dọc, cơ vòng và cơ lưng bụng phát triển nên sán lá gan có thể chun giãn, phòng dẹp cơ thể để chui rúc, luồn lách trong môi trường ký sinh (0,5đ)

Câu 2: (2đ) Các tập tính của nhện: chăng lưới và bắt mồi

a. Chăng lưới: Chăng dây tơ khung, chăng dây tơ phóng xạ, chăng các sợi tơ vòng, chờ mồi. (1đ)

b. Bắt mồi: Nhện ngoạm chặt mồi, chích nọc độc, tiết dịch tiêu hóa vào cơ thể mồi, trói chặt mồi rồi treo vào lưới để một thời gian. Nhện hút dịch lỏng ở con mồi. (1đ)

Câu 3: (1,5đ) Nêu được các ý:

- Hạn chế dùng thuốc trừ sâu độc hại, chỉ dùng các thuốc trừ sâu an toàn (như: thiên nông, thuốc trừ sâu vi sinh vật,...); bảo vệ các sâu bọ có ích (0,5đ)
- Dùng biện pháp vật lý, biện pháp cơ giới để diệt các sâu bọ có hại (như bẫy đèn,..) (0,5đ)
- Dùng biện pháp đấu tranh sinh học như: dùng ong mắt đỏ để trừ sâu hại lúa; dùng kiến để diệt sâu hại cam ,chanh; dùng bọ rùa diệt rệp cây; thả vịt đồng ruộng để ăn sâu hại lúa (0,5đ)

Câu 4: (1đ)

Câu 2: Sự thích nghi phát tán của trai là

- A. ấu trùng bám vào da cá di chuyển đến vùng khác.
- B. ấu trùng bám trên tôm.
- C. ấu trùng theo dòng nước.
- D. ấu trùng bám trên mình ốc.

Câu 3: Máu của nhện màu gì?

- A. xanh.
- B. đỏ.
- C. không màu sắc.
- D. vàng.

Câu 4: Thủy tức sinh sản bằng hình thức nào?

- A. vừa sinh sản vô tính vừa hữu tính và có khả năng tái sinh.
- B. sinh sản vô tính đơn giản.
- C. sinh sản hữu tính.
- D. sinh sản kiểu tái sinh.

Câu 5: Nơi kí sinh của trùng kiết lị là

- A. bạch cầu.
- B. máu.
- C. ruột người.
- D. hồng cầu.

Câu 6: Trùng sốt rét có lối sống

- A. tự dưỡng và bắt mồi.
- B. tự dưỡng.
- C. kí sinh.
- D. bắt mồi.

Câu 7: Cơ quan hô hấp của tôm là

- A. mang.
- B. tuyến bài tiết.
- C. chân hàm.
- D. chân.

Câu 8: Cơ quan trao đổi khí ở trai sông là

- A. mang.
- B. phổi.
- C. bề mặt cơ thể.
- D. da.

Câu 9: Cơ quan hô hấp của châu chấu là

- A. phổi.
- B. hệ thống túi khí.
- C. hệ thống ống khí.
- D. mang.

Câu 10: Các bộ phận chính của cơ thể nhện gồm:

- A. đầu và bụng.
- B. đầu và ngực.
- C. đầu-ngực, bụng.
- D. đầu, ngực, bụng.

Phần II : Tự luận (5 điểm)

Câu 1: Trình bày vòng đời của sán lá gan? (2 điểm)

Câu 2: Nêu đặc điểm sinh sản của trai sông? (2 điểm)

Câu 3: Hô hấp ở châu chấu khác với tôm như thế nào? (1 điểm)

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN SINH 7

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	A	C	A	C	C	A	A	C	C

PHẦN II : TỰ LUẬN(5 đ)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
Câu 1: (2 điểm)	Vòng đời của sán lá gan	
	- Sán lá gan đẻ nhiều trứng (khoảng 4000 trứng mỗi ngày). - Trứng gặp nước nở thành ấu trùng có lông bơi.	0,5đ
	- Ấu trùng chui vào sống kí sinh trong ốc ruộng, sinh sản cho nhiều ấu trùng có đuôi.	0.5 đ
		0.5 đ

	<ul style="list-style-type: none"> - Ấu trùng có đuôi rời khỏi ốc bám vào cây cỏ, bèo và cây thủy sinh, rụng đuôi kết vỏ cứng trở thành kén sán. - Nếu trâu bò ăn phải cây cỏ có kén sán, sẽ bị nhiễm bệnh sán lá gan. 	0.5 đ
Câu 2 (2 điểm)	Đặc điểm sinh sản của trai sông.	0.5 đ
	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ thể trai phân tính. - Đến mùa sinh sản trai cái nhận tinh trùng của trai đực chuyên theo dòng nước vào để thụ tinh, trứng non để ra được giữ trong tấm mang. 	0.5 đ
	<ul style="list-style-type: none"> - Ấu trùng nở ra sống trong mang mẹ một thời gian rồi bám vào da và mang cá một vài tuần nữa mới rơi xuống bùn phát triển thành trai trưởng thành. 	1 đ
Câu 3 (1 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Châu chấu hô hấp nhờ hệ thống ống khí, bắt đầu từ lỗ thở, sau đó phân nhánh nhiều đến các tế bào. 	0.5 đ
	<ul style="list-style-type: none"> - Tôm sông hô hấp bằng mang. 	0.5 đ

ĐỀ 19

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Môn SINH HỌC LỚP 7
Thời gian: 45 phút

I. Trắc nghiệm(2đ) Khoanh tròn vào chữ cái (a, b, c, d) đứng trước câu trả lời đúng

1. Trùng roi dinh dưỡng giống thực vật ở điểm:

- A. Dự dưỡng B. Tự dưỡng C. Ký sinh D. Cộng sinh

2. Môi trường sống của thủy tức:

- A. Nước ngọt B. Nước mặn C. Nước lợ D. Ở đất

3. Hình thức sinh sản giống nhau giữa san hô và thủy tức:

- A. Tái sinh B. Thụ tinh C. Mọc chồi D. Tái sinh và mọc chồi

4. Đặc điểm không phải của giun dẹp:

- A. Cơ thể dẹp B. Cơ thể đối xứng toả tròn .
C. Cơ thể gồm,đầu, đuôi, lưng, bụng. D. Cơ thể đối xứng 2 bên

5.Môi trường kí sinh của giun đũa ở người là:

- A. Gan B. Thận C. Ruột non D. Ruột già

6. . Số đôi phân phụ của nhện là:

- A. 4 đôi B. 6 đôi C. 5 đôi D. 7 đôi

7.Nơi sống phù hợp với giun đất là:

- A. Trong nước B. Đất khô C. Lá cây D.Đất ẩm

8 Trai hô hấp bằng:

- A. Phổi B. Da C. Các ống khí D. Mang

+ Lốp cơ phát triển.	0,5
- Cách phòng chống giun sán	
+Uống thuốc giun định kì	0,5
+ Ăn uống hợp vệ sinh	0,5
+ Rửa tay sạch trước khi ăn	0,5

ĐỀ 20	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn SINH HỌC LỚP 7 <i>Thời gian: 45 phút</i>
--------------	---

I. Trắc nghiệm(2đ) Khoanh tròn vào chữ cái (a, b, c, d) đứng trước câu trả lời đúng

1. Trai hô hấp bằng:

- A. Các ống khí B. Phổi C. Mang D. Da

2. Hình thức sinh sản giống nhau giữa san hô và thủy tức:

- A. Thụ tinh B. Mọc chồi C. Tái sinh D. Tái sinh và mọc chồi

3. Số đôi phần phụ của nhện là:

- A. 4 đôi B. 5 đôi C. 6 đôi D. 7 đôi

4. Trùng roi dinh dưỡng giống thực vật ở điểm:

- A. Tự dưỡng B. Ký sinh C. Dị dưỡng D. Cộng sinh

5. Đặc điểm không phải của giun dẹp:

- A. Cơ thể dẹp B. Cơ thể đối xứng 2 bên
C. Cơ thể gồm,đầu, đuôi, lưng, bụng. D. Cơ thể đối xứng tỏa tròn .

6.Nơi sống phù hợp với giun đất là:

- A. Đất khô B. Lá cây C. Trong nước D.Đất ẩm

7. Môi trường sống của thủy tức:

- A. Nước lợ B. Nước ngọt C.Ở đất D. Nước mặn

8.Môi trường kí sinh của giun đũa ở người là:

- A. Ruột non B. Gan C. Ruột già D. Thận

9. Hãy chọn nội dung ở cột A sao cho phù hợp với nội dung ở cột B vào cột trả lời.

CỘT A	CỘT B	TRẢ LỜI
1. Trùng biến hình	A. Cơ thể hình trụ, thuôn hai đầu,có khoang cơ thể chưa chính thức, ống tiêu hóa có ruột sau và hậu môn.	1.....
2. Châu chấu	B. Cơ thể có hình dạng không ổn định, thường biến đổi.	2.....
3. Giun đũa	C. Cơ thể có đối xứng tỏa tròn, ruột dạng túi.	3.....
4.Thủy tức	D. Cơ thể có 3 phần Rõ : đầu có 1 đôi râu, ngực có 3 đôi chân ,2 đôi cánh.	4.....

II. Tự luận (7đ):

- Dinh dưỡng của sôt rét và trùng kiết lị giống và khác nhau như thế nào? (2đ)
- Trình bày đặc điểm cấu tạo của sán lá gan thích nghi với đời sống kí sinh? (3đ)

3. Vì sao nói san hô chủ yếu có lợi? Người ta sử dụng cảnh san hô để làm gì?(2đ)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HKI – MÔN SINH 7

I. Trắc nghiệm: (3 điểm) Học sinh chọn câu trả lời đúng nhất mỗi câu 0,25đ

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
ĐA	C	B	C	A	D	D	B	A	1.B 3. A	2.D 4.C

II. Tự luận (7 điểm)

1/ Dinh dưỡng ở trùng sốt rét và trùng kiết lị giống và khác nhau như :

- Giống: cùng ăn hồng cầu. (0,5đ)
- Khác:
 - + Trùng kiết lị lớn, ”nuốt” nhiều hồng cầu một lúc và tiêu hóa chúng, rồi sinh sản nhân đôi liên tiếp(0,5đ)
 - + Trùng sốt rét nhỏ hơn, nên chui vào hồng cầu ký sinh, ăn hết chất nguyên sinh trong hồng cầu rồi sinh sản cho nhiều trùng mới cùng một lúc, rồi phá vỡ hồng cầu ra ngoài. Sau đó mỗi trùng chui vào 1 hồng cầu khác cứ thế tiếp diễn (1đ)

2/ +Cơ thể dẹp. (0,5đ)

- + Đối xứng 2 bên. (0,5đ)
- + Ruột phân nhánh. (0,5đ)
- + Mắt, lông bơi tiêu giảm. (0,5đ)
- + Không có hậu môn. (0,5đ)
- + Giác bám, cơ quan tiêu hóa, cơ quan sinh dục phát triển. (0,5đ)

3/ *San hô chủ yếu có lợi về:

- Ấu trùng của san hô là thức ăn của động vật biển (0,5đ)
- Các loài san hô tạo thành các rạn bờ viền, bờ chắn, đảo san hô,...là những hệ sinh thái đặc sắc của đại dương. (0,5đ)

*Người ta bẻ cảnh san hô ngâm vào nước vôi nhằm hủy hoại phần thịt của san hô, còn lại là bộ xương bằng đá vôi chính là vật trang trí. (1đ)